

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 20 – 6 – 2023

V/v tranh chấp: Chia di sản
thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Tuấn

2. Ông Huỳnh Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê U**, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 588/8, tổ 8, khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ.

+ Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Phan Đăng Hữu**, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số 175 Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Giấy ủy quyền số công chứng: 3914, quyển số: 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2020)

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số 565/21, khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:**

- Ông **Lê Văn M**, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 588/8, tổ 8, khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Văn L**, sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số 564/21, khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị V**, sinh năm: 1959 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 271/11, phường U, quận I, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1961 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 127/ÔK, tổ 8, khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị S**, sinh năm: 1963 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp W, xã R, quận Q, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị B**, sinh năm: 1965 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 459/10, khu vực 4, phường Z, quận I, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê Thị P**, sinh năm: 1976 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp E, xã J, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Lê U**, sinh năm: 1980 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp O, xã I, huyện F, Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn M, ông Lê Văn L, bà Lê Thị V, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Thị B, bà Lê Thị P và bà Lê U: Bà **Trần Ngọc Hân**, sinh năm: 1994 (*có mặt*)*

Địa chỉ: Số 175, phường M, quận I, thành phố Cần Thơ.

(Giấy ủy quyền số công chứng: 3907, 3908, 3909, 3910, 3911, 3912, 3913, cùng ngày 28/7/2020 và số 3967 ngày 30/7/2020, quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Lê U trình bày:* Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có với nhau 10 người con chung gồm: Bà tên Lê U, sinh năm: 1972; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; ông Lê Văn M; bà Lê Thị P và bà Lê U, sinh năm: 1980. Bà Nguyễn Thị D chết ngày 29/9/1999 và ông Lê Văn K chết ngày 17/5/2018; bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc và có khối di sản gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất diện tích 10.358m² (thửa 277 diện tích 6.540m², thửa 278 diện tích 476m², thửa 279 diện tích 3.342m²), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Phó – xã Long Tuyền – thành phố Cần Thơ – tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSDĐ) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994, do ông Lê Văn K đứng tên.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất diện tích 7.102m² thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823953 (số vào sổ cấp GCN: CS13093) do

Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất diện tích 589m² thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823952 (số vào sổ cấp GCN: CS13092) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản 4: Quyền sử dụng đất diện tích 1.999m² thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823955 (số vào sổ cấp GCN: CS13095) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản 5: Quyền sử dụng đất diện tích 1.214m² thuộc thửa đất số 1582, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823954 (số vào sổ cấp GCN: CS13094) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lúc ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D còn sống đã chia cho ông Lê Văn T 1.958m² tại khu vực Bình Nhứt B, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ; ông Lê Văn T đã bán tiêu xài cá nhân nên anh chị em trong gia đình không đồng ý tiếp tục chia phần diện tích đất còn lại cho ông Lê Văn T. Tuy nhiên, ông Lê Văn T thường xuyên dùng lời lẽ dọa nạt, xúc phạm đến anh chị em trong gia đình. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D chết để lại theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:* Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Ông tên Lê Văn T; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn M; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D có tạo lập được khối tài sản chung như nội dung đơn khởi kiện của bà Lê U. Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D đã chết nhưng không để lại di chúc. Tuy nhiên, trước khi chết cha ông là ông Lê Văn K đã chia cho ông Lê Văn L hơn 6.000m² đất, ông Lê Văn M hơn 5.000m² đất và các chị cũng đã có phần riêng, còn ông được cho hơn 3.000m² nên cha của ông có nói với ông Lê Văn M chia cho ông 03 cái bờ và 01 cái mương nhưng bà Lê U không đồng ý chia. Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Yêu cầu được chia 2.000m² đất thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Phó – xã Long Tuyền – thành phố Cần Thơ – tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSĐĐ) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Yêu cầu được chia 03 cái bờ và 01 cái mương diện tích khoảng trên dưới 2.000m² đất thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường

S, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823953 (số vào sổ cấp GCN: CS13093) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trình bày:*

- Ông Lê Văn L có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Ông tên Lê Văn L; ông Lê Văn T; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn M; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 1, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật và phần di sản mà ông được nhận, ông đồng ý tặng cho lại nguyên đơn bà Lê U và không có yêu cầu gì thêm.

- Ông Lê Văn M có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Ông tên Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông có yêu cầu được nhận khối di sản do ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D tặng cho ông lúc ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D còn sống nhưng chưa tách thửa sang tên và ông đã quản lý sử dụng từ năm 2000 cho đến nay gồm:

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823955 (số vào sổ cấp GCN: CS13095) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017;

Thửa đất số 1582, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823954 (số vào sổ cấp GCN: CS13094) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017;

Diện tích 2.000m² trong tổng diện tích các thửa đất số 277, 278, 279, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSĐĐ) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994.

- Bà Lê Thị V có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà tên Lê Thị V; ông Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế tại phần diện tích đất bà đang sử dụng gồm: diện tích khoảng 1.589,5m² thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSDD) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994 và diện tích khoảng 132m² thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823952 (số vào sổ cấp GCN: CS13092) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017.

- Bà Lê Thị N có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà tên Lê Thị N; ông Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận diện tích khoảng 1.589,5m² thuộc thửa đất số 277, 278, 279, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Phó – xã Long Tuyền – thành phố Cần Thơ – tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSDD) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994.

- Bà Lê Thị S có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà tên Lê Thị S; ông Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu

được nhận diện tích khoảng 1.589,5m² thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Phó – xã Long Tuyền – thành phố Cần Thơ – tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSDD) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994.

- Bà Lê Thị B có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà tên Lê Thị B; ông Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; ông Lê Văn T; bà Lê Thị P; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận diện tích khoảng 1.589,5m² thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Phó – xã Long Tuyền – thành phố Cần Thơ – tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSDD) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994.

- Bà Lê Thị P có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà tên Lê Thị P; ông Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; bà Lê U, sinh năm: 1972 và bà Lê U, sinh năm: 1980. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823953 (số vào sổ cấp GCN: CS13093) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017.

- Bà Lê U có bản tự khai và trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà tên Lê U; ông Lê Văn M; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; bà Lê Thị P và bà Lê U, sinh năm: 1972. Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582 tọa lạc tại phường S và phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên. Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y,

thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823953 (số vào sổ cấp GCN: CS13093) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, đã tiến hành đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp; mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, các biên bản định giá và các bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Quá trình đo đạc thẩm định, các bên không yêu cầu định giá tài sản trên đất và thỏa thuận ai được nhận phần đất vị trí nào thì được quyền quản lý, sử dụng phần tài sản trên đất nếu có tại vị trí được nhận.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Đăng Hữu trình bày: Ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có 10 người con; ông K với bà D tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất với tổng diện tích 21.262m² gồm các thửa đất số 277, 278, 279, 547, 01, 96 và 1582, tọa lạc tại quận Y, thành phố Cần Thơ, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D chết không để lại di chúc. Nguyên đơn bà Lê U khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; do đó, mỗi người con của ông K và bà D được chia là 2.126,2m². Tuy nhiên, qua đo đạc, thẩm định theo các bản trích đo địa chính với tổng diện tích là 22.041,6m²; do đó, mỗi người con của ông K và bà D sẽ được nhận diện tích là 2.204,16m². Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn L tặng cho nguyên đơn bà Lê U phần di sản ông được nhận; còn bà Lê Thị V, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S chỉ nhận một phần di sản thừa kế, phần còn lại tặng cho nguyên đơn bà Lê U; bà Lê U, sinh năm: 1980 nhận một phần di sản thừa kế, phần còn lại tặng cho ông Lê Văn M và bà Lê U. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật của nguyên đơn và công nhận cho nguyên đơn bà Lê U được nhận tổng diện tích 7.417,2m² (gồm diện tích đất 548,2m² thuộc thửa đất số 96 theo bản trích đo địa chính số: 283/TTKTTNMT ngày 06/4/2023 và 6.869m² thuộc thửa đất số 547 theo bản trích đo địa chính số 589/TTKTTNMT ngày 14/9/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Đối với bị đơn ông Lê Văn T đề nghị chia giao cho ông Lê Văn T diện tích 2.000m² đất thuộc thửa đất số 277, (vị trí A và C) theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ; nguyên đơn bà Lê U đồng ý hỗ trợ cho bị đơn ông Lê Văn T giá trị chênh lệch diện tích được chia (204,16m²) với số tiền 100.000.000 đồng. Đối với chi phí đo đạc, thẩm định và định giá nguyên đơn bà Nguyễn U tự nguyện nộp và đã nộp xong.

- Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông thống nhất nhận diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277, (vị trí A và C) theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và yêu cầu được nhận 03 cái bờ và 01 cái mương với

diện tích 2.219,6m², thuộc thửa đất số 547 (vị trí A Theo bản trích đo địa chính số: 38/TTKTTNMT ngày 24/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Đối với số tiền 100.000.000 đồng nguyên đơn bà Lê U hỗ trợ thì ông không ý kiến.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan, bà Trần Ngọc Hân trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mỗi người được chia diện tích 2.126,2m²; tuy nhiên, diện tích thực đo dư hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên theo đo đạc thực tế thì mỗi người con của ông K và bà D được chia diện tích 2.204,16m².

Tuy nhiên, phần ông Lê Văn L được nhận, ông L đã tặng cho lại nguyên đơn bà Lê U nên đề nghị công nhận cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị P chỉ nhận 150m², phần còn lại tặng cho ông Lê Văn M. Bà Lê U, sinh năm: 1980 chỉ nhận 150m², phần còn lại tặng cho nguyên đơn bà Lê U và ông Lê Văn M. Bà Lê Thị B nhận diện tích 1.657,2m² (vị trí D) theo Bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023, phần còn lại tặng cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị S nhận diện tích 1.657,1m² (vị trí E, F và thửa đất số 278) theo Bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023, phần còn lại tặng cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị N nhận diện tích 1.657m² (vị trí G) theo Bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023, phần còn lại tặng cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị V nhận diện tích 1.657,2m² (vị trí H) theo Bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 và diện tích 154,7m² (vị trí A) theo Bản trích đo địa chính số: 283/TTKTTNMT ngày 06/4/2023, phần còn lại tặng cho nguyên đơn bà Lê U. Ông Lê Văn M nhận 2.000m² thuộc thửa đất số 277 (vị trí B) theo Bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 và phần diện tích bà Lê Thị P và bà Lê U tặng cho nên đề nghị công nhận phần diện tích đất cho ông Lê Văn M là 5.541,2m² (gồm diện tích 2.000m² thửa đất số 277, diện tích 2.297m² thửa đất số 01 và diện tích 1.244,2m² thửa đất số 1582).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào đơn khởi kiện và hồ sơ vụ án, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp chia di sản thừa kế là có căn cứ; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, những người liên quan tự nguyện thỏa thuận tặng cho kỷ phần thừa kế được nhận và có yêu cầu, cụ thể: Ông Lê Văn L giao cho nguyên đơn bà Lê U toàn bộ kỷ phần được hưởng. Bà Lê Thị V nhận diện tích 1.811,9m² (gồm diện tích 1.657,2m² thuộc thửa đất số 279 và diện tích 154,7m² thuộc thửa đất số 96); phần dư ra giao lại cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị N nhận 1.657m² thuộc thửa đất số 279, phần dư ra giao cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị S nhận 1.657,1m² (gồm diện tích 995,7m² thửa đất số 277, diện tích 518,8m² thửa đất số 278 và diện tích 142,6m² thửa đất số 279), phần dư ra giao nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị B nhận 1.657,2m² thửa 279, phần dư ra giao cho nguyên đơn bà Lê U. Bà Lê Thị P

nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547, phần dư ra giao cho ông Lê Văn M. Bà Lê U, sinh năm: 1980 nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547, phần dư ra giao cho ông Lê Văn M và giao cho nguyên đơn bà Lê U. Ông Lê Văn M yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế và kỷ phần thừa kế dư ra của bà Lê Thị P và bà Lê U, sinh năm: 1980 giao lại với tổng diện tích 5.541,2m² (gồm diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277, diện tích 2.297m² thuộc thửa đất số 01 và diện tích 1.244,2m² thuộc thửa đất số 1582).

Bị đơn ông Lê Văn T yêu cầu được nhận diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277 và nhận thêm diện tích 2.219,6m² thuộc thửa đất số 547. Xét yêu cầu của bị đơn về việc nhận thêm diện tích 2.219,6m² là không có căn cứ do bị đơn đã nhận kỷ phần thừa kế của bị đơn với diện tích 2.000m²; mặt khác, phần chênh lệch diện tích so với kỷ phần thừa kế được nhận nguyên đơn đã tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng là cao hơn giá trị diện tích chênh lệch theo biên bản định giá (có lợi cho bị đơn). Do đó, chỉ chấp nhận chia giao cho bị đơn diện tích 2.000m² và số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lê U. Nguyên đơn bà Lê U được nhận kỷ phần thừa kế với diện tích tương đương với các đồng thừa kế; ngoài ra, nguyên đơn còn được nhận kỷ phần thừa kế dư ra của các đồng thừa kế khác giao lại gồm ông Lê Văn L, bà Lê Thị V, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Thị B, bà Lê U và phần diện tích chênh lệch mà nguyên đơn đã tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê U, giao cho nguyên đơn bà Lê U tổng diện tích 7.417,2m² (gồm diện tích 548,2m² thuộc thửa đất số 96 và diện tích 6.869m² thuộc thửa đất số 547) là phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia di sản như sau: Nguyên đơn bà Lê U được nhận diện tích 7.417,2m² và có nghĩa vụ hỗ trợ cho bị đơn ông Lê Văn T số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn ông Lê Văn T được nhận diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277 (1.000m² tại vị trí A và 1.000m² tại vị trí C theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) và số tiền 100.000.000 đồng do nguyên đơn bà Lê U tự nguyện hỗ trợ. Ông Lê Văn M được nhận diện tích 5.287,7m² (gồm diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277, diện tích 2.043,5m² thửa thuộc thửa đất số 1 và diện tích 1.244,2m² thuộc thửa đất số 1582) và tạm giao cho ông Lê Văn M quản lý, sử dụng phần diện tích đất lấp kinh thủy lợi với diện tích 253,5m². Bà Lê Thị V được nhận diện tích 1.811,9m² (gồm diện tích 1.657,2m² thuộc thửa đất số 279 và diện tích 154,7m² thuộc thửa đất số 96). Bà Lê Thị N được nhận diện tích 1.657m² thuộc thửa đất số 279. Bà Lê Thị S được nhận diện tích 1.657,1m² (gồm diện tích 995,7m² thuộc thửa đất số 277, diện tích 518,8m² thuộc thửa đất số 278 và diện tích 142,6m² thuộc thửa đất số 279). Bà Lê Thị B được nhận diện tích 1.657,2m² thuộc thửa đất số 279. Bà Lê Thị P được nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547. Bà Lê U, sinh năm: 1980 được nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng, có tạo lập được khối tài sản chung, ông K và bà D chết không để lại di chúc, bà Lê U là con chung của ông K với bà D, bà Lê U có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã thống nhất được với nhau về việc ông Lê Văn K với bà Nguyễn Thị D là vợ chồng và có với nhau 10 người con gồm: nguyên đơn bà Lê U, sinh năm: 1972; ông Lê Văn L; bà Lê Thị V; bà Lê Thị N; bà Lê Thị S; bà Lê Thị B; ông Lê Văn T; ông Lê Văn M; bà Lê Thị P và bà Lê U, sinh năm: 1980. Bà Nguyễn Thị D chết ngày 29/9/1999 và ông Lê Văn K chết ngày 17/5/2018; bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn K chết không để lại di chúc và có khối di sản là quyền sử dụng đất do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B691706 (số vào sổ cấp GCN: 00687.QSDD) do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 17/10/1994, diện tích $10.358m^2$ (thửa 277 diện tích $6.540m^2$, thửa 278 diện tích $476m^2$, thửa 279 diện tích $3.342m^2$), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp Bình Phó – xã Long Tuyền – thành phố Cần Thơ – tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ;

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823953 (số vào sổ cấp GCN: CS13093) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, diện tích $7.102m^2$ thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ;

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823952 (số vào sổ cấp GCN: CS13092) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, diện tích $589m^2$ thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ;

Tài sản 4: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823955 (số vào sổ cấp GCN: CS13095) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, diện tích $1.999m^2$ thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ;

Tài sản 5: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI823954 (số vào sổ cấp GCN: CS13094) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/6/2017, diện tích $1.214m^2$ thuộc thửa đất số 1582, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ.

Như vậy, tổng diện tích quyền sử dụng đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $21.262m^2$ bao gồm loại đất ở, đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa là di sản thừa kế do ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị D chết để lại; bị đơn ông Lê Văn T cho rằng cha mẹ có hứa cho 03 bờ và 01 nương nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất xác định toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích $21.262m^2$ là di sản thừa kế

và được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U là có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, đã tiến hành đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp và các đương sự thống nhất với các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá ngày 23/12/2022 và các bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 24/3/2022, bản trích đo địa chính số: 39/TTKTTNMT ngày 24/3/2022, bản trích đo địa chính số: 283/TTKTTNMT ngày 06/4/2023, bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023, bản trích đo địa chính số: 589/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Đồng thời, các đương sự không yêu cầu định giá tài sản trên đất và thỏa thuận người được nhận đất được sử dụng tài sản trên đất tại vị trí được nhận.

Tổng diện tích quyền sử dụng đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 21.262m²; tuy nhiên, qua đo đạc, thẩm định thì tổng diện tích thực tế sử dụng là 22.041,6m². Tại công văn số 2928/UBND-NCPC ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân quận Y thì phần diện tích đất dư các đương sự chưa đăng ký biến động đất đai và Ủy ban nhân dân quận Y không có ý kiến đối với phần diện tích đất dư, đề nghị Tòa án nhân dân quận Y giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong các phần diện tích đất sử dụng dư này có phần diện tích 253,5m² (vị trí A theo bản trích đo địa chính số: 39/TTKTTNMT ngày 24/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) là phần diện tích đất lập kinh thủy lợi thuộc quyền quản lý của nhà nước, chưa được điều chỉnh. Do đó, tổng diện tích đất được chia thừa kế là 21.788,1m²; bình quân chia đều cho hàng thừa kế thì mỗi người được nhận là 2.178,81m².

Tuy nhiên, trong các thửa đất thì thửa đất số 96 có 90m² đất ở; thửa đất 547 có 150m² đất ở; các thửa đất số 277, 278 và 279 loại đất 2L; còn lại là đất trồng cây lâu năm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn L tự nguyện giao cho nguyên đơn bà Lê U toàn bộ kỷ phần được hưởng.

Bà Lê Thị V nhận 1.811,9m² (gồm diện tích 1.657,2m² thuộc thửa đất số 277 và diện tích 154,7m² thuộc thửa đất số 96), phần dư ra giao lại cho nguyên đơn bà Lê U.

Bà Lê Thị N nhận diện tích 1.657m² thuộc thửa đất số 279, phần dư ra giao lại cho lại nguyên đơn bà Lê U.

Bà Lê Thị S nhận 1.657,1m² (gồm diện tích 995,7m² thửa đất số 277, diện tích 518,8m² thửa đất số 278 và diện tích 142,6m² thửa đất số 279), phần dư ra giao nguyên đơn bà Lê U.

Bà Lê Thị B nhận 1.657,2m² thửa 279, phần dư ra giao cho nguyên đơn bà Lê U.

Bà Lê Thị P nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547, phần dư ra giao cho ông Lê Văn M.

Bà Lê U, sinh năm: 1980 nhận diện tích 150m² thuộc thửa đất số 547, phần dư ra giao cho ông Lê Văn M và giao cho nguyên đơn bà Lê U.

Ông Lê Văn M đồng ý nhận diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277 và phần diện tích được bà Lê Thị P và bà Lê U, sinh năm 1980 giao lại. Như vậy, ông Lê Văn M được nhận diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277, diện tích 1.244,2m² thuộc thửa đất số 1582 và diện tích 2.043,5m² thuộc thửa đất số 1; tổng diện tích ông Lê Văn M được nhận là 5.287,7m². Mặt khác, ông Lê Văn M là người canh tác, quản lý, sử dụng thửa đất số 1 nên phần đất diện tích 253,5m² có được do lấp kinh thủy lợi tạm giao cho ông Lê Văn M quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Lê Văn T đồng ý nhận diện tích 2.000m² tại thửa đất số 277 nên giao phần diện tích đất này cho ông Lê Văn T là phù hợp. Đối với yêu cầu được nhận 2.219,6m² (03 cái bờ và 01 cái mương) do cha mẹ hứa cho là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo kỹ phần thừa kế được chia thì được nhận diện tích 2.178,81m² nhưng bị đơn ông Lê Văn T chỉ được nhận diện tích 2.000m² loại đất lúa tại thửa đất số 277. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê U tự nguyện hỗ trợ giá trị phần diện tích đất chênh lệch và giá trị loại đất được nhận cho bị đơn ông Lê Văn T với số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp so với tổng giá trị quyền sử dụng đất được chia thừa kế. Do đó, giao cho bị đơn ông Lê Văn T được nhận diện tích 2.000m² và số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp.

Nguyên đơn bà Lê U cũng được nhận kỹ phần thừa kế với diện tích 2.178,81m² như những người đồng thừa kế. Tuy nhiên, ngoài phần thừa kế nguyên đơn bà Lê U được nhận thì nguyên đơn bà Lê U còn được nhận kỹ phần thừa kế được giao lại từ ông Lê Văn L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị S, bà Lê Thị B và bà Lê U. Như vậy, tổng diện tích nguyên đơn bà Lê U được nhận là 7.417,2m² (gồm phần còn lại của thửa đất 547 sau khi chia cho bà Lê Thị P 150m² và bà Lê U, sinh năm: 1980 diện tích 150m² và phần còn lại của thửa đất số 96 sau khi chia cho bà Lê Thị V diện tích 154,7m²). Cụ thể: nguyên đơn bà Lê U được nhận diện tích 548,2m², thuộc thửa đất số 96 và diện tích 6.869m² thuộc thửa đất số 547. Nguyên đơn bà Lê U có nghĩa vụ hỗ trợ cho bị đơn ông Lê Văn T phần giá trị chênh lệch với số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với tài sản trên đất, các đương sự không yêu cầu chia, không yêu cầu định giá và tự thỏa thuận người được nhận quyền sử dụng đất tại vị trí nào sẽ được nhận tài sản trên đất tương ứng nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về chi phí đo đạc định giá: Nguyên đơn bà Lê U tự nguyện chịu chi phí đo đạc định giá với số tiền 35.299.000 đồng nên ghi nhận và nguyên đơn bà Lê U đã nộp xong.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí trên giá trị tài sản được nhận; riêng bà Lê Thị V và bà Lê Thị N được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 166, Điều 167, Điều 170 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê U về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và các đương sự được nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Lê U được nhận quyền sử dụng đất diện tích 548,2m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (trừ vị trí A - theo bản trích đo địa chính số: 283/TTKTTNMT ngày 06/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) và quyền sử dụng đất diện tích 6.869m² thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (trừ vị trí C và D - theo bản trích đo địa chính số: 589/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bị đơn ông Lê Văn T được nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.000m², thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí A và C - theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Lê Thị V được nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.657,2m², thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí H - theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) và diện tích 154,7m², thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí A - theo bản trích đo địa chính số: 283/TTKTTNMT ngày 06/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Lê Thị N được nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.657m², thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí G - theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Lê Thị S được nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.657,1m² gồm: diện tích 995,7m² thuộc thửa đất số 277; diện tích 518,8m² thuộc thửa đất số 278 và diện tích 142,6m² thuộc thửa đất số 279, cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí E, F và thửa 278 - theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Lê Thị B được nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.657,2m² thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền,

quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí G - theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ông Lê Văn M được nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.000m² thuộc thửa đất số 277, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu vực Bình Phó, phường Long Tuyền, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí B - theo bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ); diện tích 1.244,2m² thuộc thửa đất số 1582, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 24/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ); diện tích 2.043,5m² thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (theo bản trích đo địa chính số: 39/TTKTTNMT ngày 24/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Đồng thời, tạm giao cho ông Lê Văn M quản lý, sử dụng phần đất diện tích 253,5m² (vị trí A - theo bản trích đo địa chính số: 39/TTKTTNMT ngày 24/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Lê Thị P được nhận quyền sử dụng đất diện tích 150m² thuộc thửa 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí C - theo bản trích đo địa chính số: 589/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Bà Lê U (sinh năm: 1980) được nhận quyền sử dụng đất diện tích 150m² thuộc thửa 547, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ (vị trí D - theo bản trích đo địa chính số 589/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Buộc nguyên đơn bà Lê U có nghĩa vụ trả phần giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất cho bị đơn ông Lê Văn T với số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc đương sự được quyền sở hữu phần tài sản gắn liền với đất tại vị trí quyền sử dụng đất của mỗi đương sự được nhận tại vị trí tương ứng.

Các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 24/3/2022, Bản trích đo địa chính số: 39/TTKTTNMT ngày 24/3/2022, Bản trích đo địa chính số: 283/TTKTTNMT ngày 06/4/2023, Bản trích đo địa chính số: 589/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 và Bản trích đo địa chính số: 588/TTKTTNMT ngày 14/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Nguyên đơn bà Lê U tự nguyện nộp số tiền 35.299.000 đồng, nguyên đơn bà Lê U đã nộp xong.

Về án phí:

Nguyên đơn bà Lê U phải nộp 64.066.600 đồng án phí được khấu trừ 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004891 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, thành phố Cần Thơ; nguyên đơn bà Lê U còn phải nộp số tiền 56.566.600 đồng (*năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Văn T phải nộp 18.500.000 đồng (*M tám triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị S phải nộp 11.185.000 đồng (*M một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị B phải nộp 11.186.100 đồng (*M một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn một trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn M phải nộp 39.333.000 đồng (*ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị P phải nộp 1.462.500 đồng (*một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê U, sinh năm: 1980 phải nộp 1.462.500 đồng (*một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị V và bà Lê Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Y;
- Chi cục THADS Q. Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý